

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng Tường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông **Châu Quang Đ**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T, ông Đ vắng mặt (bà T, ông Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Châu Quang Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/11/1996. Bà và ông Đ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ có 01 con chung là: Châu Quang Đăng, sinh ngày 06/8/1993, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà T không tranh chấp.

Về nợ chung: bà T khai không có.

Do bận công việc nên bà không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, bà có yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 28/6/2022 ông Châu Quang Đ trình bày:

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: ông và bà T có 01 con chung là Châu Quang Đăng, sinh ngày 06/8/1993, hiện đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ khai không có.

Do bận công việc nên ông không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, ông có yêu cầu xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* bà Trần Thị T và ông Châu Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/11/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bà T cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Bà T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Đ được nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Nhận thấy: bà T và ông Đ đã sống ly thân với nhau thời gian dài, từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay thì ông bà không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ như chồng, không có thời gian đoàn tụ. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, qua ghi nhận ý kiến của ông Đ về yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông Đ cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T để giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[2.2] *Về con chung:* Bà T và ông Đ có 01 con chung là Châu Quang Đăng, sinh ngày 06/8/1993, hiện đã thành niên.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà T và ông Đ không tranh chấp.

[2.4] *Về nợ chung:* Bà T và ông Đ khai không có.

[3] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Châu Quang Đ.

2. *Về con chung*: Ghi nhận bà Trần Thị T và ông Châu Quang Đ có 01 con chung là Châu Quang Đăng, sinh ngày 06/8/1993, hiện đã thành niên.

3. *Về tài sản chung*: Bà T và ông Đ không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận việc bà T và ông Đ khai ông bà không có nợ chung.

5. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008156 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Nhượng;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Phượng

Trần Ngọc Diệu

Lê Thị Hồng Đăng